TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49**/2024/DS-ST
Ngày: 04-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Nhiêu Phong.

2/ Ông Nguyễn Thanh Phiên.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lý Thị Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa**:** Bà Lâm Phượng Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 461/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 40/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh H (Tên gọi khác: D), sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Ấp K, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Phạm K, sinh năm 1992, là người đại diện theo ủy quyền. (Văn bản ủy quyền ngày 02-8-2023) (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Chị Mai A, sinh năm 1981.

Anh Võ C, sinh năm 1983.

Cùng nơi cư trú: Ấp T, xã M, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đặng L, sinh năm 1975. (văn bản ủy quyền ngày 10-11-2023), là người đại diện theo ủy quyền (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình cung cấp chứng cứ, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, chị Phạm K trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với nhau nên ngày 31-12-2022 bà Đinh H (D) có cho chị Mai A, anh Võ C vay số tiền 500.000.000 đồng, khi vay thì chị A có làm giấy nợ và ký tên. Do là chỗ quen biết, anh C là chồng của chị A làm bác sĩ, có phòng khám riêng và người có uy tín tại địa phương nên bà H không yêu cầu anh C ký tên vào giấy nợ. Khi vay thì các bên không thỏa thuận về lãi suất, chị A nói với bà H mục đích vay là để kinh doanh trong gia đình và mua xe ô tô, hai bên thỏa thuận miệng với nhau là hẹn 02 tháng sau sẽ trả số tiền trên. Để đảm bảo cho khoản vay thì chị A có giao cho bà H giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tich 149,8m^2, thuộc thửa đất số 860, tờ bản đồ số 10, do anh C, chị A đứng tên quyền sử dụng. Tuy nhiên sau khi đến hạn thì chị A không trả cho bà H tiền như đã thỏa thuận, bà H có đến liên hệ nhiều lần nhưng chị A không thực hiện. Nay bà H yêu cầu anh C, chị A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền nợ vay 500.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 31-12-2022, đồng thời bà H yêu cầu trả lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 31-12-2022 cho đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án. Bà H có nghĩa vụ trả cho chị A, anh C 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà H đang giữ sau khi chị A, anh C trả nợ xong.

Mặt khác, trước đây chị A vay tiền của bà H rất nhiều lần nhưng các khoản vay đó thì chị A đã trả cho bà H đầy đủ gốc và lãi. Các chứng từ giao dịch mà chị A cung cấp là thể hiện các khoản trả tiền gốc và lãi của chị A cho bà H, nhưng là của các khoản nợ khác, không liên quan đến khoản vay 500.000.000 đồng ngày 31-12-2022. Đối với khoản vay 500.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 31-12-2022 thì chị A, anh C chưa trả cho bà H bất kỳ khoản tiền nào. Hiện nay chị A chỉ còn nợ bà H số tiền 500.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 31-12-2022. Đối với các khoản nợ khác thì chị A, anh C đã trả cho bà H theo các chứng từ chuyển khoản mà chị A cung cấp.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Đặng L trình bày:

Đầu năm 2022 thì chị A có hùn vốn làm ăn với chị Ngô N. Do đó chị A cần vốn làm ăn riêng và để kiếm tiền thêm thu nhập cho bản thân, nên chị A có có vay tiền của bà H (tên gọi khác là D). Từ tháng 05-2022 chị A vay của bà H 120.000.000 đồng, từ tháng 06 cho đến tháng 11-2022 chị A vay của bà H 400.000.000 đồng, tổng cộng vay 500.000.000 đồng. Đến tháng 12-2022 do làm ăn được nên trong tháng 12 chị A đã trả cho bà H 400.000.000 đồng (kèm theo trả lãi suất 6%/tháng). Thấy mô hình kinh doanh có lãi, nên đến cuối tháng 12-2022 chị A tiếp tục vay của bà H số tiền 500.000.000 đồng để đầu tư lớn hơn, khi vay thì chị A có viết giấy nợ với bà H số tiền này, hai bên không thỏa thuận lãi suất cũng như thời hạn trả nợ. Nhưng đến tháng 05-2023 chị N báo với chị A là tình hình làm ăn thua lỗ, những người lấy vé số gối đầu đều đã bỏ trốn. Việc chị A vay tiền của bà H thì chỉ do một mình chị A vay, không liên quan đến

chồng chị A là anh Võ C, mọi việc hùn vốn làm ăn thì do chị A tự quyết định, chị A không mang bất kỳ lợi ích nào từ việc hùn vốn làm đại lý vé số để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do làm ăn thua lỗ nên chị A không đóng lãi được cho bà H khoản vay 500.000.000 đồng. Nay chị A đồng ý có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 500.000.000 đồng. Do khoản vay 500.000.000 đồng thì các bên không thỏa thuận về lãi suất cũng như thời hạn trả nợ nên đối với yêu cầu tính lãi của bà H thì ông đề nghị Tòa án tính lãi kể từ ngày khởi kiện cho đến ngày Tòa án giải quyết vụ án với lãi suất là 10%/năm. Anh C không đồng ý có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền vay trên, vì khoản vay này là khoản vay riêng của chị A, không phải là nợ chung của vợ chồng.

Đối với việc bà H giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị A là không đúng quy định của pháp luật. Do đó chị A, anh C yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả cho chị A, anh C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

Đối với mục đích vay tiền: Trên cơ sở làm việc với chị Ngô N thì chị N cũng đã xác nhận có việc hùn vốn làm ăn với chị A. Đồng thời khoản vay 500.000.000 đồng là khoản vay lớn nên việc bà H cho rằng do tin tưởng nên không cần anh C ký tên trong giấy vay tiền là không hợp lý, vì khoản vay lớn thì cần có sự đồng ý của cả hai vợ chồng. Mặt khác giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị A, anh C cùng đứng tên nên việc bà H giữ giấy chứng nhận cũng cần phải có sự xác nhận của anh C, chị A thì mới đảm bảo. Do đó, việc chị A vay tiền của bà H là khoản nợ riêng của chị A, anh C không có nghĩa vụ cùng chị A trả số nợ trên.

Trước đây chị A có trình bày về việc chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng cho bà H và đề nghị Tòa án tính lại lãi đối với từng khoản nợ. Tuy nhiên sau khi làm việc lại với chị A thì chị A xác định những khoản tiền mà chị A chuyển khoản cho bà H (kèm theo các chứng từ đã giao nộp cho Tòa án) là để trả tiền gốc và lãi cho các khoản vay khác giữa chị A và bà H, không liên quan đến khoản vay 500.000.000 đồng ngày 31-12-2022. Do đó, hiện tại chị A chỉ còn nợ bà H số tiền 500.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 31-12-2022, ngoài ra chị A không còn nợ bà H bất kỳ khoản nào khác. Số tiền vay 500.000.000 đồng thì chị A chưa trả bất kỳ khoản tiền gốc, lãi cho bà H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban tH vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với anh C, chị A về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc chị A có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền nợ vay 500.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày khởi kiện.

Không chấp nhận yêu cầu của bà H về việc buộc anh C có trách nhiệm liên đới cùng chị A trả tiền nợ vay cho bà H.

Bà H có nghĩa vụ trả lại cho chị A, anh Chi bản Cnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS 09538, diện tích 149,8m^2, thuộc thửa số 860, tờ bản đồ số 10 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho anh C, chị A ngày 31-3-2023.

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Đinh H khởi kiện yêu cầu chị Mai A và anh Võ C có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ vay và tiền lãi theo quy định. Căn cứ Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

[2] Đối với yêu cầu trả nợ gốc: Do có mối quan hệ quen biết ngoài xã hội, không phải bà con thân thích nên bà H cho chị A vay tiền rất nhiều lần bắt đầu từ năm 2021 đến cuối năm 2022, trong đó có khoản vay ngày 31-12-2022 với số tiền 500.000.000 đồng. Khi vay thì chị A có viết giấy nợ đối với tất cả các khoản vay. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các bên đều xác định ngoài khoản vay ngày 31-12-2022 thì những khoản vay còn lại chị A đã trả tiền gốc và lãi thông qua hình thức chuyển khoản cho bà H, chỉ còn khoản nợ ngày 31-12-2022 với số tiền 500.000.000 đồng thì chưa trả. Nay bà H yêu cầu chị A, anh C có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật vì bà H cho rằng mục đích chị A vay tiền là để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình và anh C biết việc chị A vay tiền của bà H, mặc dù anh C không ký tên trong giấy nợ. Xét thấy việc giao kết hợp đồng vay tiền giữa chị A và bà H là phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Tất cả các khoản tiền mà bà H cho chị A vay đều là số tiền lớn (từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng) nhưng những giấy nợ đều không có anh C ký tên cùng đứng vay trong khi anh C, chị A là vợ chồng hợp pháp. Những khoản vay mà chị A đã trả cho bà H đều được thực hiện thông qua hình thức chuyển tiền từ tài khoản của chị A đến tài khoản của bà H. Ngoài lời trình bày của bà H thì anh C không thừa nhận cũng như không có chứng cứ, chứng minh việc anh C thống nhất với chị A trong việc vay tiền của bà H. Anh C và chị A hiện đang hoạt động phòng khám tại địa phương, chị A phụ trách quản lý phòng khám, ngoài ra không có nghề nghiệp gì khác, mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình là từ nguồn lương của anh C và thu nhập của phòng khám. Mặt

khác, qua làm việc với chị Ngô N thì chị N xác định có việc hùn vốn để kinh doanh đại lý vé số với chị A nhưng bị thua lỗ và anh C không biết việc hùn vốn giữa chị N, chị A.

Từ những phân tích trên thấy rằng không có chứng cứ chứng minh anh C biết việc chị A vay tiền của bà H, không có căn cứ xác định những khoản vay của chị A để nhằm mục đích phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình, vì vậy anh C không có nghĩa vụ chung với chị A trong việc trả số tiền nợ vay trên. Do đó buộc chị A có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi là phù hợp.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi:

Khoản vay 500.000.000 đồng ngày 31-12-2022 các bên đều thừa nhận không có lãi, bà H cho rằng có thỏa thuận miệng về thời hạn trả nợ với chị A là 02 tháng sau ngày vay. Tuy nhiên bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh và chị A cũng không thừa nhận. Do đó đây là khoản vay không kỳ hạn và không có lãi.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà H đề nghị thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể đề nghị tính tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày khởi kiện là ngày 03-8-2023. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà H tại phiên tòa không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, do đó căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị tính tiền lãi kể từ ngày khởi kiện, tại phiên tòa thì cũng không có ý kiến phản đối đối với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà H. Xét thấy, theo bà H trình bày thì vào khoảng tháng 07-2022 chị A tuyên bố không có khả năng trả nợ nên bà đã đến gặp chị A để yêu cầu trả số tiền 500.000.000 đồng, đến ngày 03-8-2022 thì bà khởi kiện chị A. Căn cứ khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự, Điều 5, 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và sự thống nhất của các đương sự thì Hội đồng xét xử xác định tiền lãi phải trả cho khoản vay này là 10%/năm tính từ ngày 03-8-2023. Cụ thể tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 03-8-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (04-5-2024) là 09 tháng 01 ngày x 10%/năm x 500.000.000 đồng = 37.639.000 đồng (đã làm tròn). Từ phân tích tại mục [2] thì buộc chị A có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền lãi là 37.639.000 đồng.

[4] Đối với việc bà H giữ bản chính của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị A, anh C để làm tin cho khoản vay là không phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó buộc bà H có nghĩa vụ trả lại cho chị A, anh C bản Cnh của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu là phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử, do đó có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội thì chị Mai A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đinh H (D) đối với chị Mai A, anh Võ C trong việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Buộc chị Mai A có nghĩa vụ trả cho bà Đinh H (D) số tiền nợ gốc là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng và tiền lãi là 37.639.000 (Ba mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi chín ngàn) đồng, tổng cộng là 537.639.000 (Năm trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi chín ngàn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (04-5-2024) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Buộc bà Đinh H có nghĩa vụ trả cho anh Võ C, chị Mai A bản chính của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy GCN: CS09538 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 31-3-2023 cho chị A, anh C đứng tên quyền sử dụng đối với phần đất có diện tích 149,8m^2, thuộc thửa số 860, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Mai A phải chịu 25.505.560 (Hai mươi lăm triệu năm trăm lẻ ngàn năm trăm sáu mươi) đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho bà Đinh H số tiền tạm ứng án phí 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng mà bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013954 ngày 06-10-2023.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- Chi cục THADS Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Hoàng Nam